

Tiết sáu: Văn chương khôn ngoan

(28) Chương hai: SÁCH CHÂM NGÔN (*)

Thomas P. McCreesh, O. P.

Tài liệu Tham khảo

1. Các Bình luận:

Barucq, A., *Le Livre des Proverbes* [Sách Châm ngôn] (SB; Paris, 1964).
Gemser, B., *Sprüche Salomos* [Châm ngôn của Sa-lô-môn] (HAT 16; tái bản lần 2; Tübingen, 1963).
McKane, W., *Proverbs* [Châm ngôn] (OTL; Phi, 1970).
Ploger, O., *Sprüche Salomos* (Proverbia) (BKAT 17; Neukirchen, 1984).
Ringgren, H., *Sprüche* (ATD 16/1; Göttingen, 1962).
Scott, R. B. Y., *Proverbs* (AB 18; GC, 1965).
Toy, C.H., *Proverbs* (ICC; Edinburgh, 1899).

Các nghiên cứu:

Aletti, J. N., "Seduction et parole en Proverbes I-IX, [Rù quyến và lời nói trong Châm Ngôn I-IX]" *VT* 27 (1977) 129-43.
Barucq, A., "Proverbes (livre des) [Sách Châm Ngôn]," *DBSup* 8. 1395-1476.
Bostrom, G., *Proverbiastudien: Die Weisheit und das fremde Weib in Sprüche 1-9* [Nghiên cứu châm ngôn: Sự khôn ngoan và người vợ ngoại quốc trong Châm ngôn 1-9] (LUA 30,3; Lund, 1935).
Camp, C. V., *Wisdom and the Feminine in the Book of Proverbs* [Khôn ngoan và Nữ tính trong Sách Châm ngôn] (Sheffield, 1985).
Hermisson, H. -J., *Studien zur Israelitischen Spruchweisheit* [Nghiên cứu về tục ngữ khôn ngoan của người Israel] (WMANT 28; Neukirchen, 1968).
Kayacz, C., *Studien zu Proverbien 1-9* [Nghiên cứu về Châm ngôn 1-9] (WMANT 22; Neukirchen, 1966).
Lang, B., *Wisdom and the Book of Proverbs* [Khôn ngoan và Sách Châm ngôn] (NY, 1986).
Murphy, R. E., *Wisdom Literature* [Văn chương Khôn ngoan] (FOTL 13; GR, 1981).
Robert, A., "Les attaches Littéraires bibliques de Prov. I-IX [phụ bản văn chương kinh thánh của Châm Ngôn I-IX]," *RB* 43 (1934) 42-68, 172-204, 374-84; 44 (1935) 344-65, 502-25.
Skehan, P. W., *SIPW*.
Skladny, U., *Die ältesten Spruchsammlungen in Israel* [Bộ sưu tập những câu nói cổ nhất ở Israel] (Göttingen, 1962).
Whybray, R. N., *Wisdom in Proverbs* [Khôn ngoan trong Châm ngôn] (SBT 45; London, 1965).

Tài liệu tham khảo:

Camp, *Wisdom* [Khôn ngoan] 325-44;
Murphy, *Wisdom Literature* [Văn chương Khôn ngoan] 48;
Plöger; F. Vattioni, "Studi sul libro dei Proverbi [nghiên cứu Sách Châm Ngôn]," *Aug* 12 (1972) 121-68.

Dẫn nhập

2. (I). Tổng quan của khoa Phê bình Hiện đại. Châm ngôn là một tuyển tập những câu nói ngắn, hai dòng (chương 10-29), mở đầu bằng những hướng dẫn dài bằng thơ (chương 1-9) và kết thúc bằng một phần những câu nói dài hơn và những bài thơ ngắn (chương 30-31).
Phương hướng chung của nội dung là giáo huấn và dạy luân lý. Trong quá khứ, mô tả về sự

khôn ngoan trong chương 8 đã thu hút sự quan tâm; nếu không, cuốn sách chỉ được coi là "sổ tay hướng dẫn ứng xử" (Toy, *Proverbs* x).

3. Ấn bản năm 1923 của Instruction of Amenemope [Huấn giáo Amenemope] của Ai Cập (→ Wisdom Lit., 27:23) và phân tích mối quan hệ của nó với Châm ngôn 22: 17-24:22 của A. Erman vào năm sau, đã chấm dứt sự cô lập của cuốn sách như là điển hình duy nhất còn tồn tại của văn chương châm ngôn Cận Đông cổ thời. Bây giờ nó có thể được so sánh với tài liệu được cung cấp bởi "huấn giáo" của Ai Cập, các văn bản khôn ngoan của Lưỡng Hà và các câu Châm ngôn Aram của Ahiqar (→ Văn chương Khôn ngoan., , 27:20-32). Đồng thời, giá trị của nó nằm ở những gì nó chia sẻ về kinh nghiệm của con người với các nền văn học khác, và bất cứ chiều kích thần học nào trong tác phẩm đều được quy cho hoạt động biên tập sau này 'mang lại cho nó một "sự diễn giải lại theo kiểu dòng Giavê (Yahwistic)."

Những câu nói được phân loại như thế tục hay tôn giáo về quan điểm và mối quan tâm, sau đó được ghi ngày tháng tương ứng (McKane, *Proverbs* 10-22; R. Whybray trong *La Sagesse de l'Ancien Testament* [khôn ngoan của Cựu Ước] [BETL 51; Leuven, 1979] 153-65).

4. Các nghiên cứu khác cho rằng những câu nói ngắn, một dòng phát triển thành các soạn tác văn học dài hơn với sự bổ sung của các mệnh đề lý do [motive clauses] và tô điểm văn học (O. Eissfeldt, *Der Maschal im Alten Testament* [Châm ngôn trong Cựu Ước] [BZA W 24; Giessen, 1913]). Do đó, những câu nói của các chương 10-29, vì ngắn, được cho là một phần của các tập trước đó. Nhưng phong cách nghệ thuật và sự đầy đủ không nhất thiết phải có sau này và có thể là một phần của những câu nói "dân gian" ban đầu. Các tiểu luận dài hơn của các chương 1-9 được coi là những phần bổ sung sau thời kỳ lưu đầy tạo nên hình thức cuối cùng của cuốn sách. Tuy nhiên, những điểm tương đồng giữa huấn giáo của người Ai Cập và các chương 1-9 (C. Kayatz) cũng đã thách thức việc xác định niên đại này. Nghiên cứu về hình ảnh để xác định bối cảnh của các câu châm ngôn cũng không có kết luận. Ví dụ, hình ảnh nông nghiệp có thể được sử dụng trong giới hoàng gia, và sự khôn ngoan gia tộc ban đầu có thể nhắc tới các vị vua.

5. (II) Hình thành Sách; Niên đại. Niên đại cho cuốn sách hiện tại rất khó xác định. Có thể suy ra hai giai đoạn. Đầu tiên là bộ sưu tập châm ngôn của gia đình hoặc gia tộc. Sau đó, dưới thời Salômôn và các vị vua khác (25:1), việc thu thập và biên tập túi khôn truyền thống đã được thúc đẩy. Bản thân cuốn sách này đại diện cho một bản biên tập đặc biệt của một số tài liệu trước đó. Không chỉ phần giới thiệu (các chương 1-9, một số trong đó có thể đại diện cho các tài liệu ban đầu) được một tác giả/biên tập viên chuẩn bị, mà Skehan (*SIPW* 15-26) đã chỉ ra rằng các châm ngôn cũng được biên tập bởi cùng một người này. Một niên đại có thể có của cuốn sách là cuối thế kỷ thứ 6 hoặc đầu thế kỷ thứ 5. Khôn ngoan được nhân cách hóa trong chương 8 chắc chắn là đăng sau chân dung của sự khôn ngoan trong Huấn ca 24. Sách Châm ngôn cũng không phát triển khái niệm Tô-ra như Huấn ca, và chia sẻ thuật ngữ và hiểu biết với Đệ nhị luật, Isaia II và Giê-rê-mi-a (A. Robert, *RB* [1934-35]). Những câu châm ngôn liên quan đến nhà vua dường như cũng cho thấy một thời kỳ không xa chế độ quân chủ.

6. (III) Các hình thức văn học. Hai thể loại chính là huấn giáo và châm ngôn.

(A) *Các huấn giáo.* Các huấn giáo, có lẽ được mô phỏng theo những song hành của Ai Cập (→ Văn chương Khôn ngoan, 27: 19-25), được một giáo viên/nhà hiền triết nói với một học trò ("con trai") và xuất hiện trong các chương 1-9; 22: 17-24:22; và 31: 1-9. Sự phân chia giữa các huấn giáo trong các chương 1-9 không rõ ràng trong mọi trường hợp. Tất cả đều là

lời khuyên răn đi theo con đường dẫn đến sự khôn ngoan và lưu tâm đến hậu quả của hành động của một người, sử dụng các ví dụ minh họa và ngôn ngữ kịch tính.

7. Ba bản văn (1:20-33; 8:1-36; 9:1-6) được gọi là "Bài phát biểu khôn ngoan", trong đó sự khôn ngoan được nhân cách hóa nói theo phong cách rất bản vị hóa, độc đáo trong Cựu Ước. Nó bắt chước các miêu tả của người Ai Cập về vị thần *Ma 'at* ("công lý, trật tự"), nhưng cũng gọi nhớ đến văn chương tiên tri. Cũng có những bài thơ "sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái", như Skehan gợi ý (*SIPW*9-10), có nhiều câu thơ bằng số chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Do Thái (22). Chương 2 là một ví dụ tuyệt vời (→ 21 – 22 bên dưới). Nhưng không phải tất cả các bài thơ đều có thể được phân tích theo cách này mà không sắp xếp lại các câu thơ để phù hợp với nhóm cho là 22 dòng.

8. (B) Các châm ngôn. Châm ngôn là một câu nói ngắn gọn thể hiện một số sự thật theo cách nổi bật và đáng nhớ (→ Văn chương Khôn ngoan, 27:9). Châm ngôn trong Kinh thánh thường là một câu đối, với một số dạng song hành, và xuất hiện trong các chương 10-29, mặc dù các câu Châm ngôn riêng lẻ được tìm thấy trong các giáo huấn (3:32-35). Sức mạnh của chúng nằm ở việc sử dụng nhiều hình ảnh âm thanh và ý nghĩa khác nhau. Một biện pháp hiệu quả để mô tả con người hoặc hành vi là phép ẩn dụ, chỉ rõ một phần (ví dụ: tai) nhưng ám chỉ toàn bộ con người, như trong 25: 12b, "... một người khiển trách khôn ngoan đối với một đôi tai chăm chú." Phép ẩn dụ cũng thay thế tên của một vật này bằng một vật khác. Vì vậy, miệng, lưỡi và môi tượng trưng cho lời nói của một người, như trong 10:31a, "Miệng của người công chính mang lại sự khôn ngoan" Các bộ phận khác nhau của cơ thể được sử dụng theo cách tương tự: mắt, lỗ mũi, tai, tay, chân, xương, bụng, thận và tim. Một số hình ảnh khác được sử dụng là phép ngoa dụ [hyperbole] (22:13) và phép nghịch hợp [oxymoron] (25:1Sb). Ngoài ra còn có nhiều ví dụ về phép lặp lại âm đầu [alliteration], phép trùng âm [assonance] và cách chơi chữ.

9. Trong số các loại Châm ngôn khác nhau có những quan sát đơn giản về cuộc sống. Chúng có thể sử dụng phép đặt cạnh nhau [juxtaposition] (Hermisson, *Studien* 144-52), trong đó suy nghĩ được thể hiện bằng cách đặt các cụm từ khác nhau lại với nhau, như trong 13:24, "Kẻ nào tiếc roi vọt - kẻ ghét con trai mình, nhưng kẻ nào yêu thương con - kẻ tha thiết tìm kiếm sự sửa phạt cho con mình." Kiểu so sánh bằng cách liệt kê này [priamel] liệt kê các sự vật, mục cuối cùng gọi lên sự ngạc nhiên, thậm chí sự hài hước (26:3). Châm ngôn số đếm kể số những thứ có điểm chung (chương 30). Các Châm ngôn khác nêu quan điểm của mình bằng những hình ảnh đơn giản nhưng ấn tượng (19:24). Có rất nhiều phép so sánh. Một số hiểu ngầm thông qua việc sử dụng cách đặt cạnh nhau (25:23); một số khác cho thấy phép so sánh bằng các tiểu từ [particles] như "giống như" hoặc "như thế [so]" (10:26). Đôi khi, phép so sánh thể hiện sự phán đoán giá trị, như trong Châm ngôn "tốt hơn" (27:5). Những câu nói khác đối chiếu các loại người và hành vi, đặc biệt xuất hiện trong các chương 10-15 và ở mức độ ít hơn trong các chương 28-29.

10. (IV) Cấu trúc của Sách. Không có cấu trúc rõ ràng, thống nhất nào xuất hiện. Các Châm ngôn là các thực thể rời rạc được tập hợp thành các bộ sưu tập có vẻ ngẫu nhiên (→ 14 bên dưới). Người ta đã tìm kiếm mối liên hệ giữa chúng và các chương 1-9 thông qua việc sử dụng hình ảnh. Những điều này bao gồm "ngôi nhà" (*bayit*), được mô tả cho Khôn Ngoan (9:1), cho Đại Khờ (2:18; 7:8,27; 9:14), và cho *'ēšet hayil*, "người phụ nữ đáng giá" trong chương 31; "con đường", có rất nhiều trong sách và nhấn mạnh vào chủ đề hành trình; và nhiều hình ảnh khác nhau về vợ và mẹ (ví dụ: 19:13-14), làm nổi bật hình ảnh người vợ và

người mẹ trong chương 31 (Camp, *Wisdom and the Feminine* [khôn ngoan và phái Nữ] 183-208). Một số từ khóa cũng có thể liên kết một loạt câu nói (Murphy, *Wisdom Literature* 68-80). Một cấu trúc nhân tạo khác dựa trên giá trị số của các tên trong tiêu đề với các tập Châm ngôn (Skehan, *SIPW* 43-45). Một khía cạnh của vấn đề này là liệu các câu Châm ngôn có tạo ra bối cảnh để chúng có thể được diễn giải hay không (Hermisson, *Studien* 171-83). Tuy nhiên, có vẻ như mặc dù một câu nói có thể tương đối hóa ý nghĩa của một câu nói khác, mỗi câu đều giữ nguyên ý nghĩa riêng của nó, không xác định được bởi ngữ cảnh.

11. (V) Diễn giải Sách. Tác phẩm có vẻ dễ hiểu, nhưng thực ra ẩn chứa những hiểu biết sâu xa và sâu sắc.

(A) Bản chất của Khôn ngoan. Khôn ngoan không phải là kiến thức bí truyền dành riêng cho một số ít người, mà tất cả mọi người đều có thể tìm kiếm. Nó được tìm thấy thông qua quá trình khó khăn để đưa ra những lựa chọn sáng suốt trong cuộc sống. Nhu cầu thông tri, huấn luyện và thuyết phục những người trẻ tuổi về những lựa chọn đúng đắn là lý do hiện hữu của cuốn sách. Khôn ngoan cũng phục vụ những người khác. Sự nhấn mạnh vào những tác động mà thái độ và hành động gây ra cho người khác và sự nhấn mạnh vào sức mạnh của lời nói để xây dựng hoặc phá hủy đã làm rõ điều này.

Khôn ngoan này nhận ra những giới hạn, sự mơ hồ và sự không chắc chắn (→ Văn chương Khôn ngoan, 27:6). Ví dụ, tuyên bố của một câu Châm ngôn thường bị hạn chế, thậm chí phủ nhận, bởi lời khuyên của một câu Châm ngôn khác (26:4-5). Và phẩm chất cuối cùng của sự khôn ngoan là Thiên Chúa, là Đấng mà không có sự khôn ngoan hay lời khuyên nào có thể chống lại được (21:30).

12. (B) Sự khôn ngoan như được tượng trưng. Các huấn giáo (chương 1-9) mô tả Sự khôn ngoan như một người phụ nữ được tán tỉnh. Đây là một biểu tượng thích hợp vì sự khôn ngoan phải được tìm kiếm và trân trọng với sự hiến dâng và sùng ái.

Lời mời gọi của nó phải được phân định giữa vô số lời mời gọi của lạc thú và thành công dễ dãi, vốn là những con đường của sự ngu ngốc. Tuy nhiên, một khi đạt được, nó sẽ trung thành với những người theo nó, xây dựng ngôi nhà của họ với sự bình an và thịnh vượng, giống như người vợ tốt trong 31:10-31 (T. McCreesh, *RB* 92 [1985] 25-46). Sự khôn ngoan cũng có các thuộc tính thần thiêng. Nó phải được yêu thương trên hết mọi thứ; từ nó xuất phát sự giàu có và chính quyền vững mạnh; từ chối nó có nghĩa là cái chết. Bản sắc của nó bị che khuất bởi nghịch lý này (8:30b-31): nó ở với Thiên Chúa nhưng vẫn thoải mái trên thế giới này. Mà nhiệm vụ này có thể được giải quyết ở mức độ này: khôn ngoan là một món quà từ Thiên Chúa nhằm là mục tiêu cho mọi cuộc tìm kiếm của con người (Murphy, *Wisdom Literature* 62; *JBL* 104 [1985] 3-11).

13. (C) Diễn giải thần học. Khôn ngoan làm trung gian giữa Thiên Chúa và thế giới. Nội tại trong sáng thế, nó là nguồn gốc của mọi ý nghĩa về thế giới này. Xuất phát từ Thiên Chúa, nó cũng là sự mặc khải của Thiên Chúa và là lời kêu gọi của Người với thế giới (→ Văn chương Khôn ngoan, 27: 16). Do đó, kinh nghiệm và nghiên cứu của con người về thế giới tạo dựng có thể là nền tảng cho trải nghiệm tôn giáo và có thể có tính mặc khải về Thiên Chúa. Tương tự như vậy, cốt lõi khôn ngoan này là "lòng kính sợ Chúa" mở ra cho chúng ta để lắng nghe những gì Chúa mặc khải và đáp lại Người. Nhưng sự giao tiếp thần thánh này không chỉ đến từ kiến thức mà còn từ tình yêu. Đó là lời kêu gọi thần thánh thông qua sáng tạo, quyến rũ, thu hút và cuối cùng là ôm trọn chúng ta. Vì vậy, thần học Kitô giáo đã áp dụng hình ảnh Đức

Khôn Ngoan vào Chúa Giêsu, là Ngôi Lời Nhập Thể của Thiên Chúa, là Đấng trung gian tuyệt hảo giữa Thiên Chúa và thế giới này (1 Cr 1:24).

(*) *The New Jerome Biblical Commentary, Student Edition các tr:453-45*